



A NAN

I. Người em chú bác rất được Phật tin yêu

Thân phụ của Thái tử Tất Đạt Đa và thân phụ của A-nan là hai anh em ruột*. Như vậy Thái tử Tất Đạt Đa và A-nan là anh em chú bác. A-nan nhỏ hơn Thái tử 19 tuổi.



Vào ngày sinh ra A-nan, trong nhà có nhiều điều vui vẻ nên A-nan** được đặt tên là Ananda, có nghĩa là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ.



Lớn lên, A-nan có dung mạo rất đẹp, mắt tợ hoa sen xanh, thân hình cân đối, sáng rõ.

* Xem gia phả của Thái tử Siddhatta, trang 13.

** A-nan-da : dịch âm từ chữ Ananda. Để gọn nhẹ, chúng tôi chép là A-nan.



Trong chuyến trở về cố hương lần đầu tiên, Phật làm lễ xuất gia cho Nanda và La-hầu-la. Sau đó Ngài rời nước Sakya, sang miền Bắc nước Kosala, rồi đến trú tại làng Anupiya của bộ tộc Malla.



Lúc ấy ở Sakya có 6 thanh niên dòng họ Thích Ca quyết định xuất gia, trong đó có A-nan, mới 18 tuổi. Khi tới biên thủy của 2 nước Sakya - Kosala, họ gặp người thợ cắt tóc còn trẻ, tên là Upali, nhờ chỉ đường sang Kosala.



Sau khi 6 vương tử vượt qua biên giới thì Upali vội vã chạy theo, nói rằng mình cũng muốn xuất gia.

Thế rồi cả 7 người kéo tới làng Anupiya, gặp Phật, ngỏ lời xin được xuất gia. Phật nhận lời. Ngay từ lúc gia nhập vào giáo hội, A-nan chuyên cần tu học. Sau mùa an cư kiết hạ đầu tiên của mình, A-nan đã chứng quả Dự lưu, được Phật thương mến và quý trọng.*



* Đó không phải hoàn toàn vì hai Ngài là anh em chú bác trong kiếp này mà còn vì trong quá khứ, hai Ngài đã *nhiều lần* "làm việc chung với nhau". Xem bộ **Tiền Thân Đức Phật**.



Thật vậy, A-nan rất được Phật tin cậy : tuy mới 20 tuổi mà A-nan đã được Phật giao nhiệm vụ trấn áp bệnh dịch hạch. Số là, năm 585 trước Tây lịch, Phật đang chuẩn bị an cư kiết hạ tại Vương Xá thì sứ thần của nước Licchavi sang gặp vua Tần-bà-sa, báo tin rằng Tỳ-xá-ly đang bị hạn hán nặng : dân chúng đói khổ, nhiều người đã chết vì nóng, vì đói. Sứ thần yêu cầu vua Tần-bà-sa thuyết phục Phật sang cứu hạn.

Nhận lời yêu cầu này, Phật cùng với vài đệ tử vượt sông Hằng. Ngay khi Ngài vừa đặt chân lên nước Licchavi thì khắp nơi đều có mưa.



Sau đó Phật dạy kinh Bảo Châu cho Đại đức A-nan, dặn Đại đức tụng kinh này để trấn áp bệnh dịch hạch. Chỉ trong một thời gian ngắn, Đại đức đã làm xong nhiệm vụ. Đại đức theo Phật đến Ca-tỳ-la-vệ thăm vua Tịnh Phạn, dự lễ hoả táng vua, rồi cùng Phật về Vương Xá.



Một sáng kia, Đại đức rất kinh ngạc khi thấy hoàng hậu Gotami và khoảng 50 nữ nhân hoàng tộc – ăn mặc như khát sĩ – đến như mình xin với Thế Tôn cho họ xuất gia. Đại đức đã hoàn thành nhiệm vụ đó một cách tốt đẹp : nhờ vậy giáo hội tỷ-kheo-ni được ra đời.



Trong 20 năm hoàng pháp đầu tiên của Phật, tuy không phải là thị giả của Phật, nhưng A-nan luôn sống kề cận bên Ngài, cùng chia sẻ những thành công và cùng chịu đựng những khó nhọc và khổ nhọc.

1. Hai thầy trò bị xua đuổi tại Kosambi

Sau khi vua Tần-bà-sa và vua Ba-tư-nặc quy y Phật, số tín đồ của Phật lên tới nhiều ngàn người. Bấy giờ Ngài muốn sang thủ đô Kosambi của nước Vamsa để mở đạo tiếp.

Trước đó ít lâu, nhiều thương gia ở Kosambi có ghé qua Xá Vệ nghe Phật thuyết pháp. Triệu phú Ghosita đã dành một khu vườn để Phật sử dụng : *như vậy là mọi việc có vẻ rất thuận lợi*. Nhưng, việc mở đạo ở đây đã đem đến cho Phật nhiều chuyện phiền hà : nào là vua Udena tiếp đón lạnh nhạt, nào là vụ “*cái ghè nước*” khiến Ngài buồn đến nỗi phải vào rừng Parileyya sống cô độc trong mùa an cư thứ 10. Nhưng khổ nhất, là vụ bà thứ phi Magandiya của vua Udena.



Số là, trong khi nhập hạ thứ 9 tại Kosambi, Phật gặp gia đình của Magandiya. Đó là một thiếu nữ Bà-la-môn xinh đẹp mà cha mẹ nàng mong sẽ gả nàng vào nơi xứng đáng. Một sáng kia, Phật nhìn khắp thế gian, thấy đã đến lúc cần phải độ cho vợ chồng người này, bèn đến nơi vào lúc hai vợ chồng đang cúng tế thần lửa. Trước vẻ đẹp của Phật, người chồng rất hài lòng, mời Phật nán lại, chờ ông một chốc. Hai vợ chồng chạy đi tìm con gái.

Khi đó Phật ấn mạnh bàn chân xuống đất, cố ý để lại dấu chân trên mặt đất mềm, rồi đến ngồi tại một chỗ cách đó không xa.

Khi cả 3 người trở lại, bà mẹ nhìn dấu chân Phật thì hiểu rằng đây là bàn chân của một người đã tận diệt hết mọi dục vọng. Bà nói ý này cho chồng biết. Chồng bà chế nhạo, bảo rằng không có người đàn ông nào không say mê nhan sắc của phụ nữ. Nói xong, ông đến bên Phật, đề nghị gả con gái. Phật trả lời :

Ta không thích
thú trong dục lạc
của ái tình. Thế xác con
người đầy ô trọc, ta không
muốn sờ đến nó, dầu
chỉ bằng chân.



Nghe Phật nói vậy, hai vợ chồng người Bà-la-môn chứng ngay quả Bất Lai, nhưng cô gái thì lại cảm thấy mình bị khinh khi. Cô thầm nghĩ :

Không yêu
ta thì thôi, sao lại chê
tấm thân đẹp đẽ của ta là
ô trọc. Rồi đây ông
sẽ biết.



Ít lâu sau, vua Udena nước Magandiya về làm thứ phi. Thế là bà này xúi giục bọn tôi tớ và nô lệ xua đuổi Phật.



Ông điên
rồi sao ? Người
đẹp đẽ thì nói là xấu
xa, còn gã gánh phân
thì cho là đẹp đẽ.
Hãy đi ra khỏi
nơi này !



Rất đau khổ trước những lời nhục mạ đó, Đại đức A-nan đến bên Phật, nói :

— Bạch Thế Tôn, người ta đang chửi mắng chúng ta. ! Xin Thế Tôn hãy rời khỏi nơi này !

— Này A-nan, Ta sẽ đi đâu ?

— Bạch Thế Tôn, đi sang thị trấn khác !

— Nếu ở đó người ta cũng chửi mắng, thì Ta lại đi đâu ?

— Bạch Thế Tôn, thì đến một thị trấn khác nữa.

— Này A-nan, nơi nào gặp chuyện khó khăn thì Ta phải dàn xếp cho ổn thoả rồi sau đó hãy đi ! Nhưng ai đã chửi Ta ?

— Bạch Thế Tôn, ai cũng chửi cả.

— Không sao đâu. Họ chỉ chửi trong 7 ngày thôi. Đến ngày thứ 8, họ không chửi nữa.

2. A-nan đi xin cám ngựa về nuôi Phật

Năm 578 trước Tây lịch, Phật an cư mùa mưa tại Veranja, gần thành Xá Vệ. Bấy giờ nước Kosala bị mất mùa, dân chúng đói khổ. Các tỷ kheo đi khát thực, nhiều lần phải về tay không. Phật cũng chịu chung cảnh ngộ đó, tuy nhiên Ngài không đồng ý để cho Mục-kiền-liên “đảo lộn” lớp đất mặt ngõ hầu tìm trong đó những gì có thể ăn được. Ngài cũng không đồng ý để cho người đại đệ tử thần thông đệ nhất này rút ngắn quãng đường từ Xá Vệ đến những nơi không bị mất mùa, để cho các tỷ kheo đến đó khát thực. May mắn thay, tôn giả A-nan đã gặp một lái buôn ở vùng Bắc Ấn đem 500 con ngựa đến đây bán. Người lái buôn tặng A-nan một ít cám.



Một thời gian sau, cơn đói chấm dứt.

3. Phật và A-nan bàn việc may kiểu áo phước điển y



Một hôm Phật và A-nan đứng trên đồi cao nhìn xuống cánh đồng, : ở đó những thửa ruộng vàng xen với những thửa ruộng xanh ; từng ô vuông đầy màu sắc ấm no trải dài tới tận chân trời.

Phật nói :

— Này A-nan, cảnh ruộng lúa này rất xinh. Nếu Ta may *một kiểu áo cà sa mang hình ảnh của ruộng lúa*, thì nó có đẹp không ?

— Bạch Thế Tôn; mỗi khất sĩ tu học nghiêm chỉnh sẽ là một thửa ruộng tốt mà trên đó các cư sĩ có thể gieo các hạt giống phước đức cho hiện tại và tương lai. *Cùng đường, học hỏi và tu học theo vị khất sĩ ấy, tức là gieo những hạt giống phước đức.* Con sẽ làm theo ý Thế Tôn, sẽ may *một kiểu áo cà sa cho các vị khất sĩ* và đặt tên cho kiểu áo ấy, là *phước điển y* (áo ruộng phước).



II. Người thị giả trong 25 năm sau cùng của Phật

Trong 20 năm đầu tiên kể từ ngày Phật thành đạo, có rất nhiều người đã làm thị giả cho Ngài : Đó là Nagassamala, Nagita, Upavana, Sunakkhatta, Cunda, Sagala và Meghiya. Một ngày kia, Phật nói :
— Này các tỷ kheo, nay Ta đã già, và khi Ta bảo *“Chúng ta hãy đi đường này”* thì vài người trong tăng chúng lại đi đường khác, có người còn làm rơi bình bát và y của Ta xuống đường. Vậy bây giờ hãy chọn ra một tỷ kheo luôn luôn hầu cận Ta.



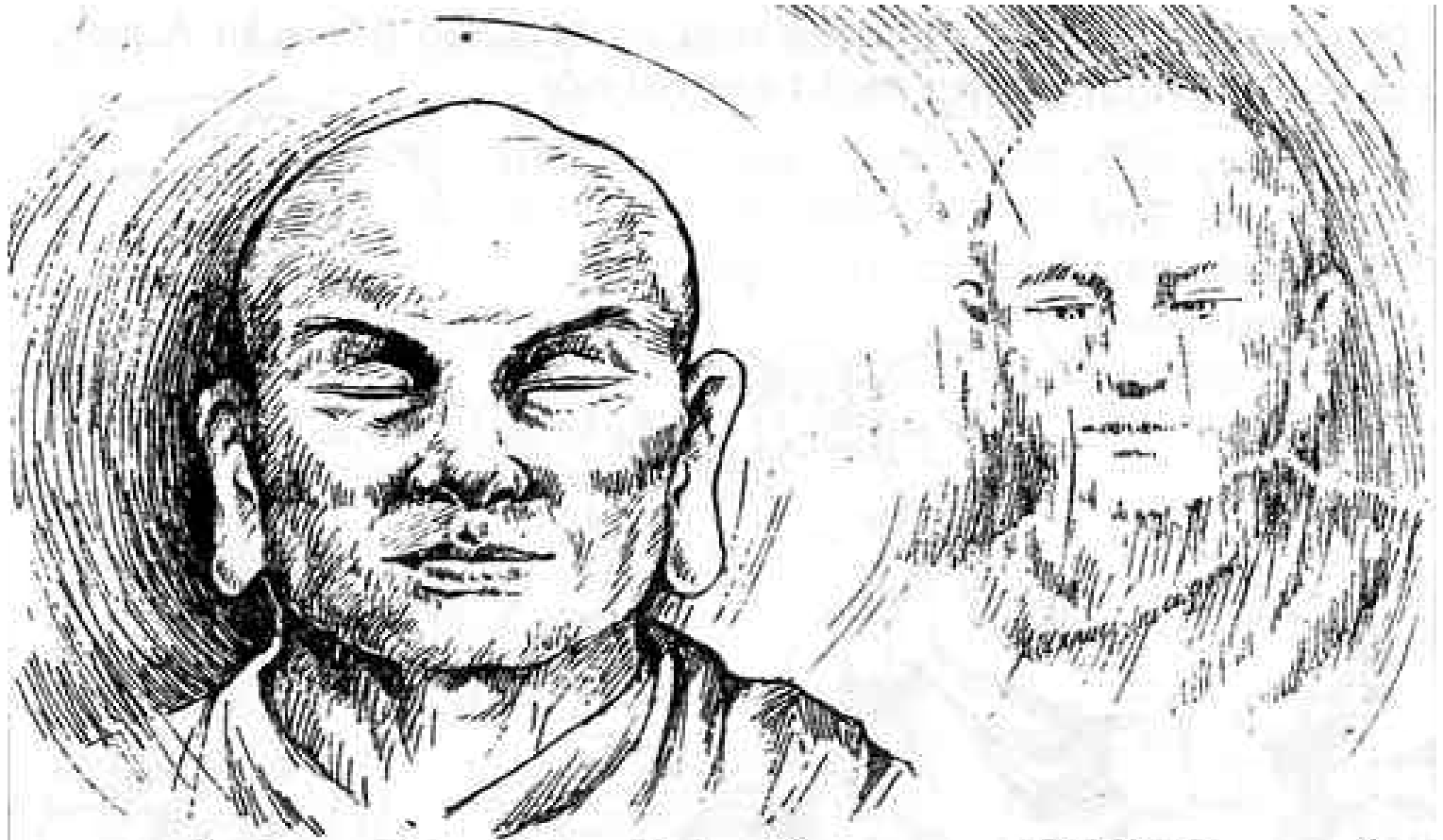
Liền đó tăng chúng đồng đứng lên. Trưởng lão Xá-lợi-phất, nói lớn :

Bạch Thế Tôn,
con muốn hầu hạ
Thế Tôn.



Lời thỉnh cầu
của thầy đã được
Ta biết trước.
Thôi đủ rồi.





Mục-kiền-liên liền nhập định để xem coi Thế Tôn muốn chọn ai làm thị giả.

Sau khi xuất định, Mục-kiền-liên nói với các tỷ kheo :

Này các
hiền giả, Thế Tôn
muốn chọn hiền giả
A-nan làm
thị giả.



Nói xong, Mục-kiền-liên và một số tỷ kheo đến gần A-nan, chào hỏi, ngồi xuống một bên, rồi nói :

Này
hiền giả, Thế
Tôn muốn chọn
hiền giả làm
thị giả.

Thưa
tôn giả, tôi
không thể nhận
nhiệm vụ đó.



— Này A-nan, ở ngoài thôn xóm kia có một toà lâu đài to lớn, cửa cái đặt ở hướng Đông. Khi cửa ấy được mở ra thì lúc mặt trời lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng tới tận vách phía Tây. Cũng vậy, Đức Thế Tôn muốn chọn hiền giả làm thị giả, mà khi hiền giả nhận lời thì mọi việc sẽ rất tốt đẹp.

— Thưa tôn giả, rất khó làm thị giả cho Thế Tôn. Con voi 60 tuổi* rất hùng dũng, sức mạnh vô cùng, đủ ngà, đủ vóc ; khó làm vừa ý, nghĩa là khó coi sóc. Đức Thế Tôn cũng vậy, khó làm vừa ý, nghĩa là khó làm thị giả cho Thế Tôn.

— Này hiền giả A-nan, hoa ưu đàm đúng thời mới nở. Đức Thế Tôn cũng vậy, đúng thời mới xuất hiện, hiền giả hãy nhận lời làm thị giả cho Thế Tôn đi ! Kết quả tốt đẹp lắm !

* Lúc này Phật 55 tuổi và A-nan 36 tuổi.

Sau khi thuyết phục được A-nan, Mục-kiền-liên đến bên Phật :
— Bạch Thế Tôn, con đã khuyên hiền giả A-nan làm thị giả, nhưng hiền giả chỉ nhận lời khi được Thế Tôn ban cho 8 điều. Hiền giả A-nan nói với con như vậy :

- * Nếu Thế Tôn (sẽ) *không ban cho tôi* chiếc y mà người ta đã cúng dường cho Thế Tôn.
- * Nếu Thế Tôn (sẽ) *không ban cho tôi* các thức ăn mà Ngài đã khát thực được.
- * Nếu Thế Tôn (sẽ) *không cho phép tôi* cùng ở trong Hương phòng của Ngài.
- * Nếu Thế Tôn (sẽ) *không cho tôi đi theo Ngài* đến những nơi mà Ngài được mời.

Nhưng :

- ✦ Nếu Thế Tôn (sẽ) *đi với tôi* đến nơi mà tôi được mời.
- ✦ Nếu tôi (sẽ) *được phép* giới thiệu các hội chúng (từ các vùng xa xôi hay từ nước ngoài) đến yết kiến Thế Tôn.
- ✦ Nếu tôi (sẽ) *được phép* đến gặp Ngài để hỏi, mỗi khi có điều gì người ta nói mà tôi chưa hiểu.
- ✦ Nếu bất cứ khi nào Thế Tôn thuyết pháp mà tôi phải vắng mặt, thì Ngài (sẽ) *thuyết pháp lại cho tôi nghe*, ngay lúc tôi trở về...

Nếu được như vậy thì tôi sẽ hầu hạ Thế Tôn.

Sau khi Mục-kiền-liên dứt lời, Phật ban cho A-nan tám đặc ân nói trên (bốn điều “không” và bốn điều “có”).

Kể từ hôm đó cho đến suốt 25 năm làm thị giả cho Phật, A-nan đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Rất khó giải thích hai chữ “thị giả của Phật”. Thật vậy, *tôn giả A-nan đã làm công việc của “một người hầu” và công việc của người phụ tá.*



● *Trong công việc của một người hầu cận Phật, mỗi buổi sáng, A-nan phải đem nước rửa mặt, dụng cụ đánh răng, trái toạ cụ sẵn trước khi Phật dùng bữa điểm tâm.*

Sau khi đi khất thực xong, A-nan phải nhanh chân về tinh xá sửa soạn nước cho Phật rửa chân.

Khi thọ thực, A-nan sẽ ăn sau Phật, và còn có nhiệm vụ xem các vật thực còn lại trong bình bát của Phật, đem tặng cho dân nghèo hoặc các tỷ kheo kém đức.

A-nan còn lo việc quét dọn tinh thất, giặt giũ y phục, lau rửa bình bát của Phật. Những lúc Thế Tôn mỗi mệt, A-nan kiêm luôn việc xoa bóp.

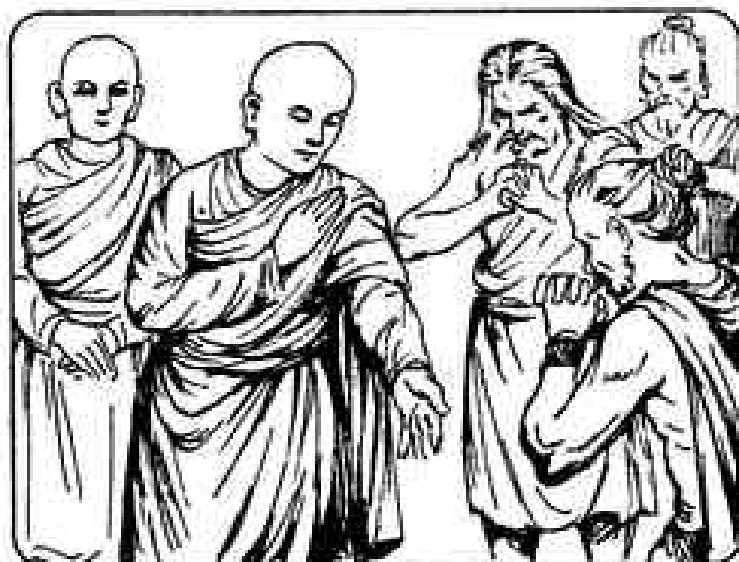


● *Trên cương vị phụ tá của một giáo chủ, A-nan là người truyền đạt những lời dạy của Phật đến người nhận lãnh, bất kể giờ giấc nào. A-nan còn thay mặt Phật đi gặp đại diện hoặc lãnh đạo các giáo phái.*

Với tấm lòng kính trọng và yêu quý Phật vô biên, A-nan định hy sinh tánh mạng mình để cứu Phật khi một con voi hung dữ đang điên cuồng lao về phía Phật với tốc độ kinh hồn. Nhưng Phật đã dùng thần thông đẩy A-nan lên không gian và tự mình chế ngự voi dữ.

Tuy không cần phải cứu Phật, nhưng hành động hy sinh của A-nan đã làm cho người đời thán phục.

Phật đã nói về A-nan như sau : “A-nan là người đệ tử phục vụ Như Lai rất đặc lực. Khi Như Lai cần điều gì thì A-nan làm ngay, không để Như Lai phải đợi chờ”.



III. Một trí nhớ độc nhất vô nhị

Tôn giả A-nan có cái duyên may là suốt 43 năm theo Phật, ngài luôn luôn được kề cận bên Phật. Nhờ vậy nên đã **nghe nhiều, hiểu nhiều, và nhớ nhiều** hơn các bạn đồng tu. **Khối óc của tôn giả được ví như một cái máy ghi âm cực kỳ tốt : một khi tôn giả nghe xong, là máy đã thu rồi !** Lúc nào cần nghe lại, cứ “vặn máy” là các lời giảng của Phật được phát lại ngay !



Các quyển kinh Phật mà ngày nay ta đọc đều là những lời thuật lại các lời giảng của Phật. Việc thuật lại do tôn giả A-nan đảm trách. Vì thế các bài kinh thường khởi đầu bằng bốn chữ : “**Như vậy tôi nghe**”, rồi tiếp theo đó là những lời kể lại của ông A-nan.

Ngày xưa, Phật không viết sách để lưu các bài giảng, cho nên, nếu thuở ấy không sản sinh ra một người có trí nhớ siêu việt như ông A-nan, một người **đa văn đệ nhất** thì không biết ngày nay chúng ta có kinh Phật không ?

Cái trí nhớ quý báu của ông A-nan còn giúp ông thành công trong việc điều hành Giáo hội. Trước nhiều ngàn tỷ kheo và Phật tử, mỗi khi ông tiếp xúc với ai một lần, là ông nhớ luôn người ấy với các tánh tình, vóc dáng của họ. Vì vậy khi gặp lại họ, ông dễ dàng thu phục họ và đưa họ vào con đường chánh pháp.

Tóm lại, nếu Phật pháp là một kho tàng vô giá thì tôn giả A-nan là người bảo vệ kho tàng ấy.

IV. Đau đầu vì phụ nữ

Việc Đại đức A-nan giúp bà Gotami được xuất gia đã khiến phái nữ dành cho nhiều cảm tình. Rồi nhờ có tướng mạo đẹp đẽ, tánh tình dễ mến, tôn giả đã “bị” nhiều thiếu nữ đem lòng luyến ái : cả những cô gái chưa quy y lẫn các tỷ-kheo-ni.

1. *Cô Prakiti yêu Đại đức A-nan*

Một hôm sau khi đi khát thực xong, trên đường về, Đại đức A-nan khát nước, bèn ghé vào một cái giếng tại một xóm nghèo. Bấy giờ cô Prakiti đang kéo nước lên. Đây là một cô gái tuy thuộc giai cấp Chiên-đà-la nhưng lại có nhan sắc. Thấy Đại đức xin nước, cô ngần ngừ, không dám trao, vì sợ làm ô uế những người thuộc dòng dõi cao sang. Đại đức nói : — Người xuất gia không hề phân biệt giai cấp.

Cô gái trao nước và kịp nhận ra các nét đẹp trai cùng những lời nói dễ thương của người khách trẻ tuổi.

Thế là ngay từ giây phút ấy, lòng cô lưu luyến theo từng bước chân của người tu sĩ đang đi xa dần. Những ngày tiếp theo, cô và mẹ cô mời Đại đức về nhà thọ trai. Được vài lần, Đại đức thấy lo lắng trước các “cử chỉ rất lạ” của thiếu nữ. Từ đó Đại đức không tới nhà nữa.

Cô gái tương tư, nằm dài, bỏ cả ăn uống. Bị mẹ cật vấn, cô thú nhận rằng mình yêu ông A-nan. Bà mẹ hoảng hốt, giải thích rằng mối tình ngang trái này cần phải được chấm dứt ngay. Nhưng cô đem cái chết ra đe dọa ; vì vậy một sáng kia, bà đón đường, mời Đại đức vào nhà, vì “có việc cần kíp”. Đại đức thấy mình cũng cần vào đó một lần chót để khuyên giải. Nhưng Đại đức bị bà này cho uống một “thứ nước lạ” nhằm mục đích sẽ làm cho Đại đức đáp lại mối tình của con bà. Tuy vậy, Đại đức vẫn còn đủ sáng suốt nhận ra sự việc, bèn ngồi xuống, dùng khí công đuổi chất độc ra khỏi cơ thể...

Trong khi đó, tại Kỳ Viên, Phật thấy vắng A-nan, bèn hỏi. Các tỷ kheo đáp rằng “không thấy A-nan ở đâu cả”. Một tỷ kheo nói rằng những ngày gần đây Đại đức thường đi khát thực trong xóm nghèo. Phật bảo tỷ kheo này đi tìm A-nan.

Một lát sau, vị tỷ kheo sứ giả, Đại đức A-nan và hai người phụ nữ cùng vào gặp Phật. Đại đức A-nan thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Phật hỏi cô gái :

— Con thương thầy A-nan lắm, phải không ?

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Con muốn làm vợ A-nan.

— Thầy A-nan là tu sĩ. Nếu con muốn làm vợ thầy, con phải xuất gia trong một năm và tu học cho tinh tấn. Tới chừng đó, nếu con còn muốn làm vợ thầy thì con sẽ được toại nguyện.

Hai mẹ con cô gái mừng rỡ, thấy sự việc diễn tiến tốt đẹp hơn cả nỗi mong chờ của mình, liền đồng ý ngay.

Từ đó, tại tinh xá của tỷ-kheo-ni, Prakiti cố gắng tinh tấn trên đường tu học.



Nhưng sau nửa nă n, cô gái giác ngộ, nhận thấy rằng trước đây mình đã sai lầm, nên đâm ra hối hận. Một sáng kia, tỷ-kheo-ni này đến quỳ trước chân Phật, khóc và sám hối, nguyện suốt đời sống trong Giáo hội.

2. Một tỳ-kheo-ni yêu A-nan

Một tỳ-kheo-ni đem lòng say đắm Đại đức nhưng cô khó đến gặp Đại đức. Một hôm cô già vờ bị bệnh rồi nhờ người đến nói với Đại đức :

— Thưa tôn giả, một tỳ-kheo-ni nhờ con đến báo với Đại đức rằng cô đang đau nặng, sợ khó qua. Cô ấy mong được gặp tôn giả một lần cuối.

Sáng sớm hôm sau, trên đường đi khất thực, A-nan tạt ngang, thăm người bệnh. Nào ngờ cô gái y phục không chỉnh tề ; cô nhìn A-nan với đôi mắt tình tứ. Đại đức thấy vậy, bước thụt lùi. Cô gái hiểu rõ cái tình ý mà A-nan “dành cho mình”, thì hổ thẹn và hối hận. Cô ngồi dậy, chỉnh trang lại y phục, trải toạ cụ mời Đại đức ngồi.



Đại đức A-nan giảng điều hơn lẽ thiệt và cuối cùng tỳ-kheo-ni này tỉnh ngộ, không mơ tới chuyện yêu đương nữa.

3. “Nhức đầu” vì hai tỳ-kheo-ni

Sau ngày Phật nhập diệt, A-nan trên 60 tuổi, thế mà vẫn bị hai tỳ-kheo-ni tên là Thullananda và Thullatissa quyến luyến mãi. Khi thấy trưởng lão Đại Ca-diếp rầy A-nan, hai cô này lên tiếng bênh vực tôn giả A-nan bằng cách nói những lời vô lễ với Đại Ca-diếp*.



Tuy vị Tổ đầu tiên của Phật giáo không áp dụng kỷ luật với hai tỳ-kheo-ni, nhưng hai người ấy đã lạng lẽ hoàn tục vì thấy “A-nan không chú ý đến mình”.

* Xem bài Đại Ca-diếp.

4. A-nan và các cung nữ

Một hôm các nữ nhân của vua Ba-tư-nặc suy nghĩ như sau :
“Chúng ta như đang bị nhốt trong một cái hộp, không hề được đặt chân đến tinh xá ! Bọn ta phải yêu cầu Hoàng thượng cử một tỷ kheo đến đây thuyết pháp”.

Vua chấp nhận lời yêu cầu này, hỏi “nên mời ai”. Các nữ nhân mong muốn tôn giả A-nan vào giảng đạo.

Được một thời gian, ngày nọ vua bị mất một viên ngọc quý, liền ra lệnh khám xét tất cả mọi người trong nội cung. Các nữ nhân bị tra hỏi, bị quấy rầy.

Trưa hôm đó, tôn giả vào cung, thấy đám đệ tử của mình mặt mày sầu khổ, bèn hỏi :

— Hôm nay có chuyện gì vậy ?

— Thưa thầy, đại vương bị mất một viên ngọc và chúng con đang bị tra xét.

Sau khi an ủi họ, tôn giả vào gặp vua.

— Tâu đại vương, phải chăng ngài mất một viên ngọc ?

— Quả nhân đã cho lục soát nhiều nơi, nhiều người, mà vẫn chưa có kết quả.

— Tâu đại vương, không cần phải làm phiền nhiều người mà vẫn có cách.

— Cách nào ?

— Đại vương có thể cho tập hợp tất cả những kẻ đáng nghi ngờ, trao cho mỗi người một bó rơm và nói : *“Sáng mai, hãy đặt bó rơm vào chỗ này...”*. Làm như thế, tên tội phạm sẽ kín đáo đặt viên ngọc vào bó rơm...

Nói xong, tôn giả ra về. Vua làm theo lời dặn của A-nan, nhưng 3 ngày sau vẫn chưa có kết quả. Bấy giờ tôn giả đến thăm vua, hỏi :

— Tâu đại vương, đại vương đã thu được ngọc chưa !

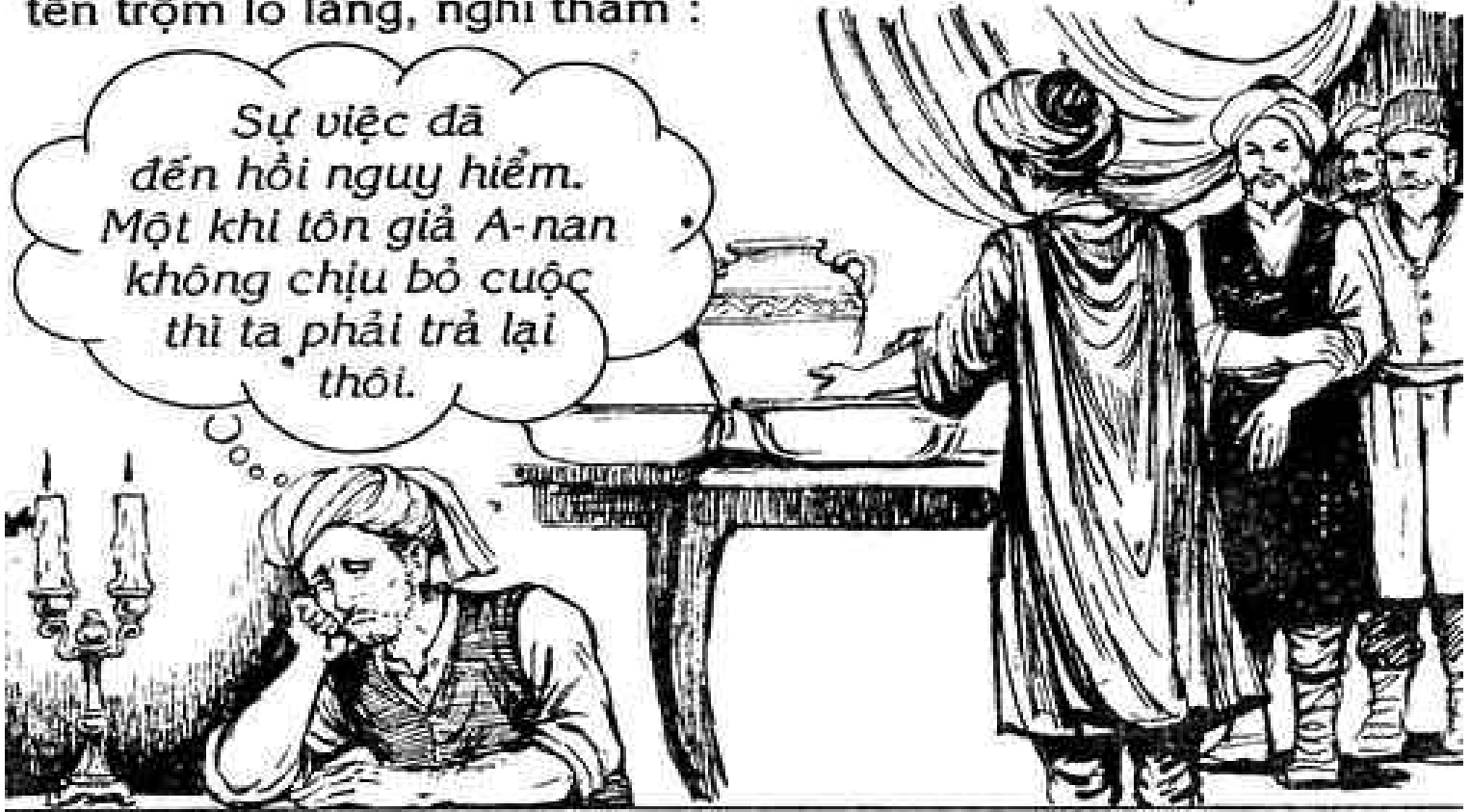
— Thưa tôn giả, chưa.

— Tâu đại vương, hãy đặt một ghè nước tại một góc kín đáo trong sân. Treo màn bốn bên ghè và ra lệnh cho những người từng lui tới trong nội cung phải vào đó rửa tay rồi mới ra về.



Hết thấy mọi người sống trong nội cung và những người thường lui tới nơi này cũng được lệnh tập trung. Trong lúc mọi người đang nôn nóng chờ tới lượt mình "đi rửa tay" thì tên trộm lo lắng, nghĩ thầm :

Sự việc đã
đến hồi nguy hiểm.
Một khi tôn giả A-nan
không chịu bỏ cuộc
thì ta phải trả lại
thôi.



Thế rồi anh ta cố giữ vẻ bình tĩnh ; khi tới phiên, anh ta đi vào trong phòng, bỏ viên ngọc vào ghè nước. Lúc mọi người rửa tay xong, vua cho lật úp ghè nước : viên ngọc kia rồi.

5. A-nan được tặng vải

Ngày nọ khi tôn giả A-nan đang thuyết pháp trong nội cung của vua Ba-tư-nặc thì có người mang tới 1000 tấm y. Vua sai đem cất 500 tấm còn 500 tấm đem tặng cung nữ. Hôm sau, các cung nữ đem dâng hết cho tôn giả. Vua lấy làm lạ, hỏi :
— Ta có ban nhiều y mới, sao các người không đắp ?

— Tâu đại vương, chúng con đã cúng dường cho tôn giả A-nan.

— Tôn giả nhận cả 500 tấm ?

— Tâu vâng.

Nhà vua tức giận, đến tỉnh xá, vào phòng riêng của tôn giả, đánh lễ rồi ngồi xuống, nói :

— Các cung nữ có nghe pháp không ?

— Thưa đại vương, có.

— Thế nào ? Họ có cúng dường các thượng y và hạ y không ?

— Thưa, họ cúng 500 tấm y rất quý !

— Và tôn giả nhận cả ?

— Thưa vâng.

— Thưa tôn giả, dường như Thế Tôn không cho phép người xuất gia nhận nhiều vải đến thế ?

— Thưa, Thế Tôn cho phép mỗi tỷ kheo sử dụng 3 y, nhưng không hề ngăn cấm các tỷ kheo nhận lấy những gì được cúng dường. Do vậy bản tăng đã nhận 500 tấm y đó để tặng lại cho các tỷ kheo đang mang y cũ, mòn.

— Nhưng các tỷ kheo ấy sẽ làm gì với các y cũ ?

— Với những tấm y cũ, họ làm thượng y. — A-nan đáp.

— Với thượng y cũ, họ sẽ làm gì ?

— Họ sẽ làm tấm nệm.

— Với tấm nệm cũ, họ làm gì ?

— Làm tấm thảm trải đất.

— Với tấm thảm trải đất cũ, họ sẽ làm gì ?

— Làm khăn lau chân.

— Với khăn lau chân cũ, họ sẽ làm gì ?

— Họ cát nhỏ ra, trộn với bùn, đất, để làm vách nhà.

— Cho đến khăn lau chân hư cũ, cũng còn sử dụng sao ?

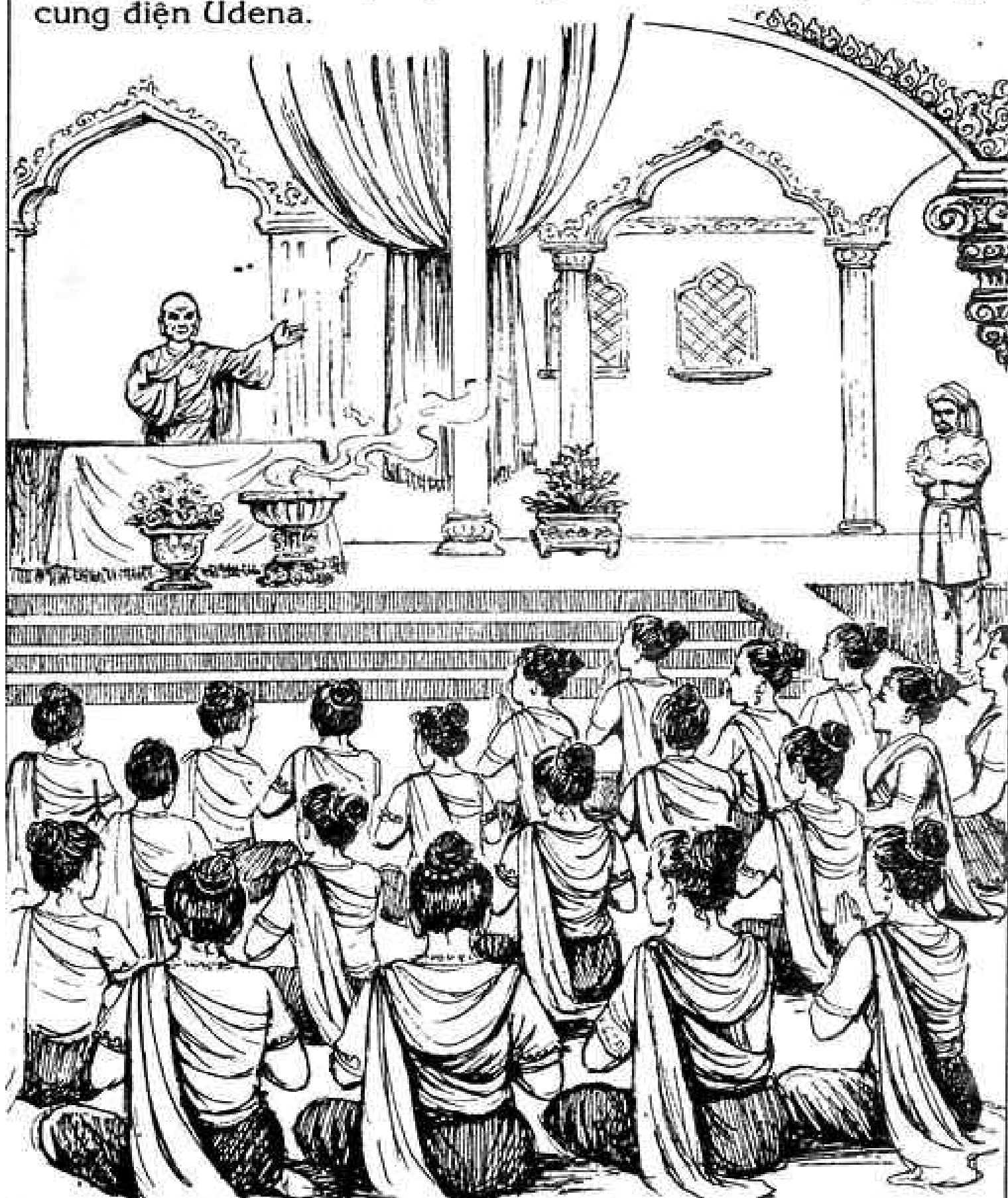
— Vâng, thưa đại vương. Chúng tôi không bao giờ huỷ hoại đồ vật cúng dường. Tất cả đều được tận dụng.

Vua đổi giận làm vui, đem 500 tấm y còn lại đến tỉnh xá...



6. A-nan thuyết giảng tại cung điện Udena

Trước kia, thứ phi Magandiya của nước Vamsa xúi người xua đuổi Phật, nhưng hơn 35 năm sau, sau ngày Phật nhập diệt, vua Udena cho phép trưởng lão A-nan thuyết pháp tại cung điện Udena.



V. Tôn giả A-nan trong chuyến đi cuối cùng của Phật

Cuối năm 546 trước Tây lịch, Phật quyết định đi lên miền Bắc. Khởi hành từ thành Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà, Phật vừa đi vừa giảng pháp, lần lượt dừng chân tại *Ambalatthika, Nalanda, Pataligama, Pataliputta, Kotigama, Nadika*. Lúc đến *Tỳ-xá-ly*, Ngài dặn các đệ tử an cư mùa mưa ở chung quanh thành này, còn mình thì đến *Baluva*.

Bấy giờ Phật bị bệnh và biết đã đến ngày nhập diệt, nhưng vì chưa nói lời từ biệt với các đệ tử nên Ngài cố nhiếp phục cơn đau, duy trì mạng sống thêm một thời gian nữa. Hết bệnh, Phật vào *Tỳ-xá-ly* khát thực. Trên đường về, Phật và A-nan ghé điện thờ Capala, nghỉ trưa. Nhân dịp này Phật nói: — “*Này A-nan, ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững... thì nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này A-nan, Như Lai đã tu được như thế, cho nên nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại*”.

Đó là những lời Phật gợi ý cho A-nan... nhưng vì lúc ấy tôn giả quá lo lắng cho sức khỏe của Phật, đầu óc bối rối nên không hiểu được ý nghĩa nằm tiềm ẩn trong câu nói trên. Vì vậy mặc dầu Phật nhắc lại câu “*nếu muốn thì có thể sống thêm*” tới lần thứ ba mà tôn giả vẫn làm thinh.

Thế rồi Phật nói tiếp :

— Này A-nan, bây giờ hãy đi làm các việc của thầy đi !

Khi A-nan rời Phật chưa bao lâu thì Ác Ma xuất hiện, nói :

— Bạch Thế Tôn, nay đã đến lúc Thế Tôn nhập diệt, vậy thì Thế Tôn hãy nhập diệt đi !

— Này Ác Ma, người hãy tin rằng : “*Như Lai sẽ nhập diệt. Sau 3 tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ nhập diệt*”.



Thần túc : Quyền năng siêu nhiên, đi như bay, không bị trở ngại bởi bất cứ việc gì. Đây là 6 pháp thần thông mà sách Phật có nói tới.

Về phần A-nan, sau khi lo xong các công việc của mình, tôn giả quay trở lại với Phật, Phật nói :

— Nay A-nan, hôm nay, tại đây, tại điện thờ Capala này, Như Lai đã tuyên bố từ bỏ thọ hành. Sau 3 tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết bàn,

A-nan cầu xin Phật sống thêm, nhưng Phật từ chối :

— Nay A-nan, đã trễ rồi ! Ban nầy Như Lai đã gợi ý đến 3 lần mà thầy không nhận thấy, lúc đó nếu thầy nói lên lời thỉnh cầu 3 lần thì có thể Như Lai sẽ nhận lời rồi. Nay, Như Lai đã nói một cách dứt khoát rằng : “*Như Lai sẽ nhập diệt sau 3 tháng, bắt đầu từ hôm nay*” thì có lý đâu Như Lai lại phản lại lời hứa của mình ?

Sau đó Phật và các đệ tử tiếp tục đi tới *Rừng Đại Lâm, Bhandagama, Hatthigam, Ambagama, Jambugama, Bhoganagara*, và *Pava*. Chính tại Pava, sau khi ăn món nắm độc của người thợ rèn Cunda, Phật bị đau bụng, nên việc đi về hướng Bắc rất chậm. Cuối cùng phái đoàn cũng đến sông *Kakuttha*, sông *Hirannavati*, và rừng cây sa la ở *Kusinara*.

Bấy giờ Phật rất mệt, sai A-nan trải chỗ nằm giữa hai cây sa la song thọ, đầu quay về hướng Bắc.

Đêm đó Phật nhập diệt.



Nhập diệt : Là bỏ thân xác phàm.

VI. Sau ngày Phật nhập diệt

Sau khi lễ trà tỳ của Phật chấm dứt, trưởng lão Đại Ca-diếp trở về Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà, họp các tỷ kheo lại, đề nghị mở một cuộc tổng duyệt các *kinh*, *luật* của giáo hội. Các tỷ kheo hoan nghênh ý kiến này và thỉnh cầu trưởng lão đứng ra chủ trì *cuộc kết tập kinh điển*.



Cùng với các lời yêu cầu này còn có nguyện vọng : “*Trong cuộc kết tập, làm sao cũng phải có tôn giả A-nan, người nhớ hết mọi lời Phật dạy*”. Nhưng, lúc đó A-nan chưa đắc quả A-la-hán. Thế là tôn giả tửu hổ, quyết tâm tinh tấn.



Đêm trước ngày đại hội khai mạc, tôn giả tham thiền mãi.



Lúc trời gần sáng, tôn giả chứng quả, và không chờ cửa động mở ra, tôn giả dùng thần thông bay vào đại hội cùng với 499 vị Thánh tăng mở cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất của Phật giáo.

1. Trong một buổi họp, tôn giả A-nan nhắc rằng : Trước lúc nhập Niết bàn, Thế Tôn có dặn “*Này A-nan, sau khi Ta nhập diệt, nếu chúng Tăng muốn, thì có thể huỷ bỏ những học giới nhỏ nhặt*”. Vừa nghe vậy, trưởng lão Đại Ca-diếp liền hỏi :

— Hiền giả A-nan, lúc đó hiền giả có hỏi Thế Tôn rằng “*những học giới nhỏ nhặt*” là học giới nào không ?

— Thưa tôn giả, bản tăng không có hỏi. — A-nan trả lời.

Thế là một cuộc thảo luận sôi nổi diễn ra ngay tức khắc. Cuối cùng đại hội đưa ra quyết định :

— “**Hội đồng Tăng chúng quyết định duy trì tất cả mọi giới luật, không bỏ bất cứ một điều nào cả**”.*

Tiếp đó là việc tôn giả A-nan làm lễ sám hối về lỗi lầm “quên hỏi” của mình.

2. Cũng trong kỳ đại hội này, tôn giả A-nan còn bị chất vấn thêm vài việc.

— Trong các lần vá áo cho Phật, *tôn giả có đặt chân lên áo*.

— Trong chuyến đi với Phật từ Vương Xá về Kusinara, *tôn giả không thỉnh Phật sống thêm*.

Tôn giả A-nan từ tốn giải thích :

* Trong lúc vá áo cho Thế Tôn, sở dĩ bản tăng phải đứng lên áo là để vá cho tiện, cho đẹp ; bản tăng không hề có một chút bất kính với Thế Tôn. Nay được chư hiền giả nhắc nhở, bản tăng xin sám hối.

* Lúc Thế Tôn bị bệnh ở Tỳ-xá-ly, chính Ác Ma đã làm cho bản tăng bối rối, nên đã không thấy sự gợi ý của Thế Tôn. Nay bản tăng xin sám hối.

Sau khi tôn giả A-nan dứt lời, các Thánh tăng có mặt hôm ấy nhận rõ sự thành thật của A-nan nên đã tha thứ lỗi lầm của Ngài.



* Việc làm này cốt để cho giới cư sĩ thấy rằng sau ngày Phật nhập diệt, Giáo hội không hề bị lỏng lẻo.



Hai mươi năm sau, trưởng lão A-nan 80 tuổi, được trưởng lão Đại Ca-diếp truyền y bát. Từ đó Ngài đứng ra diu dắt giáo hội.

Bốn mươi năm nữa lại trôi qua. Ở tuổi đời 120, một hôm trưởng lão quyết định tìm nơi để nhập Niết bàn.

Hai nước
Ma-kiệt-đà và Tỳ-xá-ly
đang hiểm khích, nếu ta
nhập diệt tại nước này,
thì nước kia
giận hờn.





Thế rồi một hôm tôn giả ngồi thuyền ra giữa sông Hằng để nhập diệt. Dân chúng hai nước hay tin ấy, kéo nhau ra đây hai bờ sông, cầu khẩn trưởng lão trở về nước mình.

Đứng trước mũi thuyền, tôn giả nói :

Ta ra
giữa sông nhập
diệt, là muốn cho hai
nước dẹp bỏ
oán thù.





Nói xong, tôn giả bay thẳng lên không gian, dùng lửa tam muội tự thiêu xác thân mình rồi để cho xá lợi rơi dạt vào hai bờ sông.



*Dân hai nước nhật xá lợi đem về thờ.
Hai nước cùng thờ một người mình kính yêu nên cảm
thông nhau và thân thương nhau.*

* **Lửa tam muội** : Chữ samadhi trong tiếng Sanscrit được dịch âm là *tam ma đề*, hoặc *tam muội*. Tam muội là phép “giữ lòng an định, không để cho tâm bị tán loạn”. Phép này giúp cho tâm được sáng suốt và có sức mạnh. *Lửa tam muội* là loại lửa sinh ra từ bên trong cơ thể của mình.